

TOÀ ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 6 – QUẢNG TRỊ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 38/2026/HS-ST
Ngày: 06/5/2026

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 6 - QUẢNG TRỊ

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Phan Đăng Khoa.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Đồng và bà Lê Thị Thúy Vân.

- Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Trần Thuý Hằng - Thư ký Toà án nhân dân khu vực 6 – Quảng Trị.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị tham gia phiên tòa: Ông Phạm Tiến Quân – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 5 năm 2026, tại Hội trường xét xử Toà án nhân dân khu vực 6 - Quảng Trị; địa chỉ: Số F N, xã T, tỉnh Quảng Trị, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 28/2026/TLST-HS ngày 31 tháng 3 năm 2026 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 34/2026/QĐXXST-HS ngày 22 tháng 4 năm 2026, đối với bị cáo:

PHAN VĂN C, tên gọi khác: Cu H, sinh ngày 27 tháng 9 năm 1991, tại Quảng Trị; nơi cư trú: Thôn N, xã Á, tỉnh Quảng Trị; CCCD số 045091005994; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ văn hóa: 09/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Phan Trọng T, sinh năm 1968 (đã chết) và bà Phạm Thị Q, sinh năm 1966; địa chỉ: thôn N, xã Á, tỉnh Quảng Trị; vợ: bà Võ Thị T1, sinh năm 1997, địa chỉ: thôn N, xã Á, tỉnh Quảng Trị; con: Có 03 người con, lớn nhất sinh năm 2014, nhỏ nhất sinh năm 2025.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 21/11/2025 cho đến nay. Hiện đang tạm giam tại Trại Tạm giam số 1 Công an tỉnh Q, có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Bà Võ Thị T1, sinh ngày 19/01/1997; nơi cư trú: thôn N, xã Á, tỉnh Quảng Trị, CCCD số 045197006107, có mặt tại phiên tòa.

Người làm chứng:

- Ông Lê Mạnh C1, sinh ngày 30/4/2001; nơi cư trú: khu vực 3 thôn N, xã T, tỉnh Quảng Trị, CCCD số 045201000264, có mặt tại phiên tòa.

- Cháu Phan Văn M, sinh ngày 07/3/2014; nơi cư trú: thôn N, xã Á, tỉnh Quảng Trị, CCCD số 045214005252. Người đại diện hợp pháp của cháu Phan Văn M là bà Võ Thị T1, sinh ngày 19/01/1997; nơi cư trú: thôn N, xã Á, tỉnh Quảng Trị (mẹ của cháu M), CCCD số 045197006107. Cháu M có đơn đề nghị xét xử vắng mặt, bà T1 có mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Phan Văn C sử dụng ma túy tổng hợp loại hồng phiến từ năm 2023. Khoảng tháng 08/2025, thông qua mối quan hệ xã hội, C quen biết một người đàn ông (không rõ lai lịch), người này sử dụng tài khoản zalo đăng ký số điện thoại 0877.604.450. Biết người đàn ông này có bán ma túy tổng hợp loại hồng phiến, nên C sử dụng tài khoản zalo “Phan Cường” đăng ký số điện thoại 0834.340.234 của mình, kết bạn với tài khoản zalo nêu trên, để khi nào có nhu cầu sẽ liên hệ mua ma túy.

Khoảng hơn 14 giờ ngày 21/11/2025, người đàn ông sử dụng tài khoản zalo đăng ký số điện thoại 0877.604.450, gọi đến tài khoản zalo “Phan Cường”, báo cho Phan Văn C biết người này đang có ma túy loại ngon, hỏi C có lấy không, C đồng ý lấy. Hai bên thoả thuận, người đàn ông sẽ bán cho C 05 gói ma túy tổng hợp loại hồng phiến (mỗi gói khoảng 200 viên) với giá 11.000.000 đồng, khoảng 20 giờ cùng ngày, C đến đập K, xã Á, tỉnh Quảng Trị để giao dịch. Theo yêu cầu của người đàn ông, C gửi số điện thoại 0963.468.344 của C cho người này, người này sử dụng số điện thoại 0763.218.427 gọi cho C để trao đổi về việc giao nhận ma túy. Khoảng 19 giờ 43 phút cùng ngày, C đang ở Bệnh viện đa khoa tỉnh Q để chăm sóc vợ và chuẩn bị chở con trai là Phan Văn M (sinh ngày 07/3/2014) vào nhà ở thôn N, xã Á, tỉnh Quảng Trị, thì C nhận tin đến số điện thoại 0763.218.427 báo cho người đàn ông biết việc C đang chuẩn bị đến địa điểm hẹn để giao nhận ma túy. Khoảng 19 giờ 55 phút cùng ngày, C điều khiển xe mô tô nhãn hiệu Honda, số loại SH, không gắn biển kiểm soát, chở cháu M đến đập K, xã Á, thì thấy người đàn ông đang ngồi chờ trên xe mô tô nhãn hiệu Yamaha Sirius, màu trắng, không rõ biển kiểm soát. C đưa cho người này 11.000.000 đồng tiền mặt, người này đưa cho C 01 gói ni lông trong suốt, bên trong có vải màu hồng. Biết đây là số ma túy mà mình đã đặt mua, C cầm lấy và bỏ gói ni lông ở trên yên xe mô tô (phía sau lưng của C và phía trước người của M), rồi điều khiển xe chở cháu M về nhà ở thôn N, xã Á, với ý định cất giữ số ma túy vừa mua được để sử dụng dần; còn người đàn ông điều khiển xe đi đâu không rõ. Khi C điều khiển xe chở cháu M đi đến đoạn đường đất đỏ thuộc thôn Á, xã Á, tỉnh Quảng Trị, thì bị lực lượng Công an tỉnh Q phối hợp với Công an xã Á phát hiện, bắt quả tang C đang cất giữ 01 gói ni lông trong suốt có 02 quai xách, bên trong có 01 bao ni lông màu vàng - trong suốt, 01 áo nữ bằng vải dạng 02 giầy màu hồng, 05 túi ni lông màu xanh (loại túi zip) chứa nhiều viên nén màu hồng và màu xanh. Lực lượng Công an tiến hành lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với C và tạm giữ toàn bộ tang vật liên quan.

Cùng ngày, Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q tiến hành khám xét khẩn cấp chỗ ở của Phan Văn C tại thôn N, xã Á, tỉnh Quảng Trị, kết quả phát hiện và thu giữ 01 khẩu súng hơi; 148 viên kim loại màu xám; 02 thẻ nhớ màu xanh - xám, ký hiệu 64GB. Quá trình điều tra, truy tố, bị cáo Phan Văn C thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình.

Tại Bản Kết luận giám định số 1703/KL-KTHS ngày 27/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: “*Các viên nén màu hồng gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 96,83g. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục IIC, STT: 247 Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính*

phủ”. Các viên nén màu xanh gửi đến giám định có khối lượng là 0,97g, không tìm thấy chất ma túy.

Cáo trạng số 09/CT-VKSKV6 ngày 31/3/2026 của Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Trị truy tố Phan Văn C về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên giữ nguyên cáo trạng truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Phan Văn C phạm tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy”. Áp dụng điểm b khoản 3 Điều 249; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015 (sửa đổi, bổ sung 2025), xử phạt bị cáo Phan Văn C từ 13 (mười ba) năm đến 13 (mười ba) năm 06 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng và các tài sản khác: Áp dụng điểm a, c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2; điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự: Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy và toàn bộ bao gói hoàn lại sau giám định được niêm phong trong túi niêm phong có mã số MT1703 và phong bì niêm phong có ký hiệu ký hiệu BGSĐ1705 của Phòng K Công an tỉnh Q; 01 thẻ sim Vinaphone số 0834.340.234, bên trên thẻ sim có dãy số 89840200010889918009 được gắn trong điện thoại di động Iphone 12 Pro Max của bị cáo C; 01 bao ni lông trong suốt, loại có 02 quai xách, kích thước 30 x 35 cm, bao đã qua sử dụng; 01 bao ni lông màu vàng - trong suốt, trên bề mặt có chữ “Luxury”, kích thước 22 x 17 cm; 05 túi ni lông màu xanh, loại túi zip, có đặc điểm giống nhau, mỗi túi có kích thước 6,5 x 9 cm, trên miệng túi có đường chỉ màu đỏ; 01 áo nữ bằng vải, dạng 02 giầy, màu hồng, trên cổ áo có gắn móc bằng vải màu trắng có dòng chữ, số và hình trái tim “HN Kids 5”; 02 thẻ nhớ màu xanh - xám, ký hiệu 64GB của bị cáo C. Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, số máy MG9C3LL/A, I; trả lại cho bà Võ Thị T1 01 mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH, màu sơn đỏ - đen, số khung RLHKF4229PY102244, số máy KF42-0080523 và 01 giấy thoả thuận mua bán xe ngày 22/10/2025, ID: HA2025XH000970.

Đối với nam thanh niên đã bán ma túy cho Phan Văn C, do thông tin C cung cấp về đối tượng này còn ít nên Cơ quan điều tra không xác định được, khi nào xác định được sẽ xử lý sau.

Đối với cháu Phan Văn M, quá trình điều tra xác định, tại thời điểm cầm gói ni lông do Phan Văn C đưa, cháu M không biết Phan Văn C mua ma túy và không biết bên trong gói ni lông có ma túy, nên không xem xét xử lý.

Đối với chủ xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH, màu sơn đỏ - đen, số khung RLHKF4229PY102244, số máy KF42-0080523: Kết quả điều tra xác định, xe mô tô nêu trên là tài sản riêng của bà T1, xe chưa đăng ký chủ sở hữu, ngày 21/11/2025, C sử dụng làm phương tiện thực hiện hành vi phạm tội, bà T1 hoàn toàn không biết, nên không xem xét xử lý đối với bà T1.

Đối với hành vi tàng trữ 01 khẩu súng hơi và 148 viên kim loại màu xám của Phan Văn C: Quá trình điều tra, C khai nhận khoảng tháng 7/2025 thông qua mạng xã hội, C đã đặt mua khẩu súng hơi này cất giữ để dùng vào mục đích săn bắn chim. Hành vi của C có dấu hiệu của tội phạm “Tàng trữ trái phép vũ khí quân dụng”, quy định tại Điều 304 Bộ luật Hình sự nên Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q đã Quyết định tách hành vi, tài liệu liên quan trong vụ án hình sự số C3701/QĐ-CSMT

ngày 10/12/2025 và chuyển toàn bộ tài liệu, vật chứng liên quan đến Cơ quan An ninh điều tra Công an tỉnh Q để điều tra, xử lý theo quy định của pháp luật.

Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình và đồng ý với luận tội của Kiểm sát viên.

Người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan bà Võ Thị T1 trình bày: Xe mô tô nhãn hiệu Honda loại SH, màu sơn đỏ - đen, số khung RLHKF4229PY102244, số máy KF42-0080523 là của bà mua tại Cửa hàng T2 thuộc Công ty TNHH MTV T3 với giá là 92.000.000 đồng. Hiện xe vẫn chưa hoàn tất thủ tục đăng ký xe, bởi bà đang trả góp tiền mua xe theo tháng. Lúc mua xe bà T1 được bố mẹ để cho mượn số tiền 60.000.000 đồng để mua xe, số tiền còn lại bà T1 trả góp. Ngày 21/11/2025, bị cáo C lấy xe mô tô chở con đi từ Bệnh viện tỉnh Q về nhà, trên đường về bị cáo C nhận ma túy. Bà T1 không hề biết việc bị cáo C đã mua ma túy trên đường chở con về nhà. Nay bà T1 có nguyện vọng nhận lại xe mô tô này để phục vụ cho sinh hoạt của gia đình và tiếp tục làm thủ tục đăng ký xe.

Lời nói sau cùng, bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử xem xét, giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an tỉnh Q, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 - tỉnh Quảng Trị, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai của bị cáo tại phiên tòa phù hợp với biên bản vụ việc; vật chứng thu giữ; kết luận giám định và các tài liệu có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận: Khoảng 20 giờ ngày 21/11/2025, tại thôn Á, xã Á, tỉnh Quảng Trị, Công an tỉnh Q và Công an xã Á đã bắt quả tang đối với bị cáo Phan Văn C về hành vi “Tàng trữ trái phép chất ma túy”, thu giữ số ma túy tại hiện trường. Tại Bản kết luận giám định số 1703/KL-KTHS ngày 27/11/2025 của Phòng K Công an tỉnh Q kết luận: “Các viên nén màu hồng gửi đến giám định là ma túy loại Methamphetamine, tổng khối lượng là 96,83g. Methamphetamine là chất ma túy nằm trong Danh mục IIC, STT: 247 Nghị định 57/2022/NĐ-CP ngày 25/8/2022 của Chính phủ”. Do đó, hành vi của bị cáo Phan Văn C bị Viện kiểm sát truy tố về tội “Tàng trữ trái phép chất ma túy” quy định tại điểm b khoản 3 Điều 249 Bộ luật Hình sự là đúng người, đúng tội và đúng quy định của pháp luật.

[3] Xét tính chất, mức độ hành vi phạm tội, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và quá trình nhân thân của bị cáo, Hội đồng xét xử thấy rằng: Hành vi của bị

cáo Phan Văn C là nguy hiểm cho xã hội, trực tiếp xâm phạm đến chính sách phòng ngừa, ngăn chặn và kiểm soát tệ nạn ma túy của Nhà nước. Bị cáo nhận thức được hậu quả do mình gây ra nhưng đã bất chấp quy định của pháp luật và dư luận xã hội để thực hiện hành vi phạm tội. Hành vi của bị cáo đã làm mất trật tự trị an trên địa bàn, gây tâm lý hoang mang, lo lắng của người dân ở địa phương. Hội đồng xét xử thấy rằng cần phải xử phạt bị cáo mức án nghiêm mới đảm bảo tính răn đe, giáo dục đối với bị cáo và phòng ngừa chung. Tuy nhiên, Hội đồng xét xử nhận thấy: Quá trình điều tra, truy tố và xét xử, bị cáo đã thành khẩn khai báo về hành vi phạm tội của mình nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ “thành khẩn khai báo” quy định tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự. Bị cáo có ba con nhỏ đều dưới mười lăm tuổi, gia đình bị cáo có hoàn cảnh khó khăn, vợ không có công ăn việc làm, được chính quyền địa phương xác nhận nên bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại khoản 2 Điều 51 của Bộ luật Hình sự.

Với tính chất, mức độ hành vi phạm tội, tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mà bị cáo được hưởng, Hội đồng xét xử thấy rằng cần cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian nhằm giáo dục bị cáo trở thành người có ích cho xã hội như đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 6 – Quảng Trị tại phiên tòa.

Tiếp tục tạm giam bị cáo với thời hạn 45 ngày, kể từ ngày xét xử để đảm bảo cho việc thi hành án.

[4] Về xử lý vật chứng và tài sản thu giữ:

Đối với túi niêm phong có mã số MT1703 và phong bì niêm phong có ký hiệu ký hiệu BGSĐ1705 của Phòng K Công an tỉnh Q, bên trong chứa ma túy loại Methamphetamine và bao gói hoàn lại sau giám định; 01 thẻ sim Vinaphone số 0834.340.234, bên trên thẻ sim có dãy số 89840200010889918009 được gắn trong điện thoại di động Iphone 12 Pro Max của bị cáo C; 01 bao ni lông trong suốt, loại có 02 quai xách, kích thước 30 x 35 cm, bao đã qua sử dụng; 01 bao ni lông màu vàng - trong suốt, trên bề mặt có chữ “Luxury”, kích thước 22 x 17 cm; 05 túi ni lông màu xanh, loại túi zip, có đặc điểm giống nhau, mỗi túi có kích thước 6,5 x 9 cm, trên miệng túi có đường chỉ màu đỏ; 01 áo nữ bằng vải, dạng 02 giầy, màu hồng, trên cổ áo có gắn móc bằng vải màu trắng có dòng chữ, số và hình trái tim “HN Kids 5”. Đây là vật cấm tàng trữ lưu hành và vật không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a, c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 01 điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, số máy MG9C3LL/A, IMEI 35506058344237. Đây là công cụ mà bị cáo sử dụng liên lạc để thực hiện hành vi phạm tội do đó cần tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước theo quy định tại điểm a khoản 1 Điều 47 Bộ luật Hình sự; điểm a khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với xe mô tô nhãn hiệu Honda loại SH, màu sơn đỏ - đen, số khung RLHKF4229PY102244, số máy KF42-0080523, kết quả điều tra và tại phiên tòa xác định: xe mô tô này là của bà Võ Thị Thu M1 tại Cửa hàng T2 thuộc Công ty TNHH MTV T3 với giá là 92.000.000 đồng. Hiện xe vẫn chưa hoàn tất thủ tục đăng ký xe, bởi bà đang trả góp tiền mua xe theo tháng. Lúc mua xe bà T1 được bố mẹ đẻ cho mượn số tiền 60.000.000 đồng để mua xe, số tiền còn lại bà T1 trả góp hàng tháng. Hội đồng xét xử thấy rằng: ngày 21/11/2025, bị cáo C lấy xe mô tô này đến chăm sóc con đang bị ốm tại Bệnh viện Đa khoa tỉnh Q. Sau đó, bị cáo chở cháu Phan Văn

M về nhà. Trên đường về bị cáo C ghé vào đập Kiên P thuộc xã Á để nhận ma túy. Việc bị cáo C đi nhận ma túy bà T1 không hề biết. Chiếc xe này là của bà Thu M1 trả góp theo tháng, hiện đang còn tiếp tục thực hiện nghĩa vụ trả nợ đối với chiếc xe này, tài sản này cũng chưa được đăng ký chủ sở hữu cho bà T1. Vì vậy, việc bà T1 có nguyện vọng nhận lại xe mô tô này để phục vụ cho sinh hoạt của gia đình, tiếp tục trả nợ xe và làm thủ tục đăng ký chủ sở hữu chiếc xe này là nguyện vọng chính đáng, phù hợp với lẽ thường và pháp luật nên cần trả lại cho bà T1 theo quy định tại điểm a khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

Đối với 02 thẻ nhớ màu xanh - xám, ký hiệu 64GB. Đây là những vật, tài liệu không liên quan đến vụ án nhưng không còn giá trị sử dụng, bị cáo đề nghị Tòa án tịch thu tiêu hủy theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự.

[5] Về án phí: Bị cáo C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự và khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ điểm b khoản 3 Điều 249, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm a, c khoản 1, khoản 2 Điều 47 Bộ luật Hình sự (sửa đổi, bổ sung 2025); điểm a, c khoản 2, điểm a, b khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự, tuyên xử:

1. Về trách nhiệm hình sự: Tuyên bố bị cáo **Phan Văn C** (tên gọi khác: Cu H) phạm tội “*Tàng trữ trái phép chất ma túy*”. Xử phạt bị cáo Phan Văn C **13 (mười ba)** năm tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam 21/11/2025.

2. Về vật chứng và tài sản tạm giữ:

- Tịch thu tiêu hủy: Số ma túy, bao gói hoàn lại sau giám định, 01 áo nữ bằng vải, 02 thẻ nhớ màu xanh - xám, ký hiệu 64GB toàn bộ được niêm phong trong túi niêm phong ký hiệu MT1703, thùng giấy niêm phong có ký hiệu BGKL1705 và phong bì giấy niêm phong ký hiệu TN của Phòng K Công an tỉnh Q; 01 thẻ sim Vinaphone số 0834340234, bên trên thẻ sim có dãy số 89840200010889918009 được gắn trong điện thoại di động Iphone 12 Pro Max của bị cáo Phan Văn C được niêm phong trong phong bì giấy niêm phong ký hiệu DTIPHONE của Phòng K Công an tỉnh Q;

- Tịch thu sung vào ngân sách Nhà nước một điện thoại di động Iphone 12 Pro Max, số máy MG9C3LL/A, IMEI 35506058344237 của bị cáo Phan Văn C được niêm phong trong phong bì giấy niêm phong ký hiệu DTIPHONE của Phòng K Công an tỉnh Q;

- Trả lại cho bà Võ Thị T1 một xe mô tô nhãn hiệu Honda, loại SH, màu sơn đỏ - đen, số khung RLHKF4229PY102244, số máy KF42-0080523 và 01 giấy thoả thuận mua bán xe ngày 22/10/2025, ID: HA2025XH000970.

(Đặc điểm của vật chứng nêu ở trên được thể hiện theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 14/4/2026 giữa Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh Q và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 6, tỉnh Quảng Trị).

3. Về án phí: Áp dụng khoản 2 Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự; điểm a khoản 1 Điều 23 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban

Thường vụ Quốc hội, buộc các bị cáo Phan Văn C phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm.

Bị cáo Phan Văn C, bà Võ Thị T1 có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Quảng Trị;
- VKS tỉnh Quảng Trị;
- Công an tỉnh Quảng Trị;
- VKS nhân dân khu vực 6 – Quảng Trị;
- Bị cáo;
- Những người tham gia tố tụng;
- Lưu: hồ sơ, văn thư.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN-CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Phan Đăng Khoa